

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 03/01/2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Văn Trường

2. Ông Đặng Song Hoàn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đậu Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 965/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 15 tháng 12 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông NGUYỄN NGỌC T, sinh năm 1961.

Hộ khẩu thường trú: 1658/2 đường B, phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: 15/6/53 đường P, phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Bị đơn: Bà NGUYỄN THỊ NGỌC L, sinh năm 1980.

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng: 1658/2 đường B, phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt - đã có quyết định tuyên bố mất tích theo Quyết định số 09/2022/QĐST-VDS ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố V).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/8/2022, bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 03/11/2022, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Ngọc L tự nguyện chung sống từ năm 2001 nhưng đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 90, quyền số 01/2008 do Ủy ban nhân dân phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 26/7/2008).

Ông T và bà L sống tại số nhà 1658/2 đường B, phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đến tháng 02/2020, bà L bỏ nhà đi đâu không rõ. Ông T tìm kiếm bà L nhiều nơi không có kết quả nên đã làm thủ tục đề nghị Tòa án tuyên bố bà L mất tích. Nay ông T xác định sau khi có quyết định tuyên bố bà L mất tích theo Quyết định số 09/2022/QĐST-VDS ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố V, ông cũng không thể liên lạc và không biết bà L đang ở đâu. Vì vậy, ông T yêu cầu ly hôn với bà L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống ông T và bà L có 02 (hai) con chung là Nguyễn Thiện H, sinh ngày 17/4/2003 và Nguyễn Thị Hạnh D, sinh ngày 21/10/2006. Khi bỏ đi từ 02/2020, bà L mang theo cháu D. Cháu H đã trưởng thành nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không liên lạc được với cả bà L và cháu D nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Ngọc L đã có quyết định tuyên bố mất tích theo Quyết định số 09/2022/QĐST-VDS ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố V. Bà L đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở cuối cùng trước khi mất tích là số nhà 1658/2 đường B, phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc L để bà L thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Nhưng bà L không đến Tòa án làm việc và cũng không thể hiện ý kiến và yêu cầu gì gửi đến Tòa án.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa xác định:

+ Về hôn nhân: Ông T yêu cầu ly hôn với bà L. Bà L đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định số 09/2022/QĐST-VDS ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố V và vắng mặt tại phiên tòa. Ông T và bà L đã không chung sống cùng nhau, không còn cuộc sống hôn nhân. Nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu ly hôn với bà L của ông T.

+ Về con chung: Có 02 (hai) con chung là Nguyễn Thiện H, sinh ngày 17/4/2003 và Nguyễn Thị Hạnh D, sinh ngày 21/10/2006. Cháu H đã trưởng thành, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề xuất xem xét. Ông T trình bày cháu D có thể đang sống cùng bà L. Kết quả xác minh thể hiện cháu D không sống tại địa phương từ tháng 02/2020 như lời trình bày của ông T. Xét trình bày và yêu cầu của ông T là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc ông T không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng liên quan đến cháu D.

+ Về nợ chung và tài sản chung: Ông T không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý:

Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Ngọc L chung sống có đăng ký kết hôn. Ông T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà L. Bà L đã có quyết định tuyên bố mất tích theo Quyết định số 09/2022/QĐST-VDS ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố V và có nơi cư trú cuối cùng của bà L tại thành phố V. Vì vậy xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về “Tranh chấp ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng để bà L tham gia tố tụng nhưng bà L không đến Tòa án làm việc và cũng không thể hiện ý kiến và yêu cầu gì gửi đến Tòa án. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo điểm b khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Ngọc L chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 90, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 26/7/2008, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Từ tháng 02/2020, bà L bỏ nhà đi đâu không rõ tin tức và đã có quyết định tuyên bố mất tích đối với bà L theo Quyết định số 09/2022/QĐST-VDS ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố V.

Sau khi có quyết định tuyên bố bà L mất tích và đến thời điểm hiện tại, ông T không liên lạc được và không biết bà L đang ở đâu nên yêu cầu ly hôn với bà L. Kết quả xác minh cũng cho thấy, nội dung trình bày này của ông T là có căn cứ.

Tại Tòa, một lần nữa ông T khẳng định vợ chồng đã không chung sống cùng nhau, bất tin nhau từ năm 2020 đến nay.

Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”. Đối chiếu quy định trên thì thấy hôn nhân của ông T, bà L không thỏa mãn được mục đích, ý nghĩa cốt yếu của đời sống hôn nhân. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông T theo căn cứ đã nêu là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Ngọc L có 02 (hai) con chung là Nguyễn Thiện H, sinh ngày 17/4/2003 và Nguyễn Thị Hạnh D, sinh ngày 21/10/2006. Nguyễn Thiện H đã trưởng thành, ông T không yêu cầu gì nên không xem xét. Đối với cháu D, ông T trình bày, khi bỏ nhà đi, bà L đưa cháu D đi cùng. Kết quả xác minh tại Công an phường M, thành phố V thể hiện: Cháu Nguyễn Thị Hạnh D, sinh ngày 21/10/2006 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 1658/2 đường 30/4, phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, tuy nhiên cháu D không sống tại địa phương từ tháng 02/2020, là đúng như lời trình bày của ông T. Xét trình bày và yêu cầu của ông T về việc không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng đối với cháu D là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc T được miễn nộp tiền án phí do thuộc diện người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 232, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc Thiện.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc T ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc L.

2. Về con chung: 02 con chung là Nguyễn T Hạnh, sinh ngày 17/4/2003 và Nguyễn Thị Hạnh D, sinh ngày 21/10/2006.

- Cháu Nguyễn Thiện H, sinh ngày 17/4/2003 đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

- Cháu Nguyễn Thị Hạnh D do bà Nguyễn Thị Ngọc L khi bỏ nhà đi đã dẫn theo nên không có tin tức. Ông T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết về nuôi dưỡng và cấp dưỡng đối với cháu D.

Quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con, người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thực hiện theo Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc T được miễn nộp tiền án phí do thuộc diện người cao tuổi.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm; Bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố V;
- TAND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- THADS thành phố V;
- UBND phường M, Tp Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Huyền

